PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH ĐỐI VỚI PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM: MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐÁNG QUAN TÂM

NGUYỄN HỮU MINH*
LÊ NGỌC LÂN**
NGUYỄN THỊ MAI HOA***

Một trong những vấn đề bức xúc hiện nay đối với sức khỏe và sự an toàn của phụ nữ là tình trạng một bộ phận không ít phụ nữ trở thành nạn nhân của các hành vi bạo lực diễn ra ngay trong gia đình do chính nam giới, đặc biệt là người chồng, gây ra. Những hành vi bạo lực này không chỉ bao gồm việc xâm phạm trực tiếp gây ra thương tích đối với thân thể mà còn bao gồm cả những ngược đãi về lời nói, tình cảm, và quan hệ tình dục. Bạo lực gia đình theo ý nghĩa này ngày càng được cộng đồng quốc tế thừa nhận như là "một trở ngại cho sự bình đẳng và là sự vi phạm không thể chấp nhận được đối với nhân phẩm con người". Tuy nhiên nó đang là một hiện tượng toàn cầu vì nó tác động đến khoảng 20-50% toàn bộ số phụ nữ trên thế giới (WHO 1998). Đấu tranh nhằm ngăn chặn, tiến tới xóa bỏ hoàn toàn các hành vi bạo lực gia đình đối với phụ nữ trở thành mối quan tâm chủ yếu của các tổ chức quốc tế cũng như các quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Đối với Việt Nam, trong nhiều năm qua Đảng và Nhà nước đã có nhiều cố gắng để loại trừ những tệ nạn lạc hậu ngược đãi người phụ nữ. Tuy nhiên, cho đến nay bạo lực trong gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam, đặc biệt tại các vùng nông thôn, còn ở mức độ khá nghiêm trọng và thu hút sự quan tâm của toàn xã hội (CHXHCNVN, 1999, tr. 103). Nhận thức rõ thực trạng trên, ngày 21-2-2005, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã có Chỉ thị số 49/CT-TƯ về Xây dựng gia đình trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chỉ thị nêu rõ: "Bạo hành

* PGS.TS. Viện Gia đình và Giới.
** Th.S. Viện Gia đình và Giới.
*** CN. Viện Gia đình và Giới.

trong gia đình có chiều hướng phát triển, nguyên nhân có phần do nhận thức của xã hội về vị trí vai trò của gia đình, công tác quản lý nhà nước về gia đình chưa theo kịp sự phát triển của đất nước, nhiều vấn đề bức xúc của gia đình chưa được xử lý kịp thời. Sự phân hóa giàu nghèo sẽ tác động vào số đông các gia đình Việt Nam. Trong thời gian tới nếu không quan tâm củng cố, ổn định xây dựng gia đình thì khó khăn, thách thức nêu trên sẽ làm suy yếu gia đình, suy yếu động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước." Tiếp đó, Bộ Chính trị Đảng CSVN cũng đã có Nghị quyết 48/NQ-T.Ư về Chiến lược xây dựng và hoàn chỉnh pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. Một trong những chỉ đạo là: "Xây dựng và hoàn chỉnh pháp luật về quyền con người, về quyền tự do, dân chủ của công dân... Xây dựng và hoàn thiện pháp luật dân số, gia đình và trẻ em và chính sách xã hội".

Tuy nhiên, như nhận xét của Bà Trần Thị Minh Chánh, Phó chủ nhiệm UB về các vấn đề xã hội của Quốc hội, mặc dù quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được bảo vệ khỏi các hành vi phân biệt đối xử và xúc phạm, nhất là đối với phụ nữ đã được quy định trong các Bộ Luật Hôn nhân và Gia đình, Bộ Luật Hình sự, v.v. nhưng việc thực thi các quy định này còn ít hiệu quả. Có thể nói rằng "mặc dù những quyền này được thực thi tốt ngoài xã hội, song gần như đều dừng lại ở cửa ngõ của các gia đình" (Báo Nhân dân điện tử ngày 21/10/2005). Nhận thức rõ những yếu tố dẫn đến và duy trì các hành vi bạo lực gia đình cũng như phân tích kinh nghiệm của những biện pháp phòng chống bạo lực gia đình đã tiến hành trong thời gian qua là rất cần thiết để nâng cao tính hiệu quả của cuộc đấu tranh nhằm hạn chế, tiến tới loại trừ tình trạng này. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu và dự án can thiệp về bạo lực gia đình trong những năm gần đây, bài viết sẽ phân tích một số vấn đề đáng quan tâm về tình hình phòng chống bạo lực gia đình ở Việt Nam.

1. Bạo lực gia đình ở Việt Nam

Ở Việt Nam, bạo lực gia đình là một chủ đề nhạy cảm, liên quan đến những nỗi đau thầm kín trong cuộc sống riêng tư, đặc biệt là bạo lực với phụ nữ, vì thế vấn đề này thường bị che giấu. Chỉ trong những năm gần đây, vấn đề này mới được đề cập công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng ở Việt Nam. Trong số các hình thức bạo lực gia đình đối với phụ nữ, ngoài việc người chồng ngược đãi người vợ dưới nhiều hình thức khác nhau, còn có các hình thức bạo lực của cha mẹ đối với con cái hay sự ngược đãi của gia đình nhà chồng đối với con dâu. Tuy nhiên, trong bài viết này chúng tôi tập trung phân tích vấn đề bạo lực trong gia đình do người chồng gây ra đối với người vợ.

Một khái niệm được hầu hết các nghiên cứu và dự án can thiệp sử dụng cho việc triển khai các hoạt động của mình là khái niệm về Bạo lực gia đình được nêu ra trong Tuyên ngôn về loại trừ bạo lực chống lại phụ nữ do Đại hội đồng Liên hiệp quốc thông qua năm 1993. Theo đó, bạo lực trong gia đình bao gồm "*bất kỳ một hành động bạo lực dựa trên cơ sở giới nào dẫn đến, hoặc có khả năng dẫn đến, những tổn thất về thân thể, về tình dục, hay tâm lý, hay những đau khổ của phụ nữ, bao gồm cả sự đe dọa có những hành động như vậy, sự cưỡng bức hay*

tước đoạt một cách tùy tiện sự tự do (của phụ nữ), bất kể trong đời sống riêng tư hay bên ngoài cộng đồng" diễn ra trong gia đình (United Nations 1995: 73).

Căn cứ vào khái niệm nêu trên, các nghiên cứu trong thực tế đã có nhiều cách phân loại khác nhau về bạo lực gia đình đối với phụ nữ. Thuật ngữ "bạo lực gia đình đối với phụ nữ" đôi khi cũng được dùng tương đương trong các nghiên cứu khác nhau với "ngược đãi phụ nữ", "bạo hành đối với phụ nữ". (Vũ Mạnh Lợi và các cộng sự, 1999; Lê Thị Quý 1999; Nguyễn Thi Hoài Đức 2001; v.v.). Nhìn chung, có thể nêu lên 3 loại bạo lực gia đình: a) Bạo lực thân thể (đánh đập, làm tổn thương về thể xác); b) Bạo lực tinh thần (cả lời nói và tình cảm như lăng mạ, chửi rủa, mắng mỏ, đe dọa, chiến tranh lạnh, ngoại tình, v.v.); c) Bạo lực tình dục (cưỡng ép vợ trong quan hệ tình dục trái với ý muốn của người vợ).

Những hành vi bạo lực này có thể nhìn thấy được hoặc không nhìn thấy được. Bạo lực nhìn thấy được có thể bao gồm bạo lực thân thể, bạo lực tình dục. Bạo lực không nhìn thấy được có thể bao gồm các hành vi tâm lý, tình cảm, tinh thần khác. Tuy nhiên, không có một ranh giới rõ ràng giữa các loại bạo lực, bởi có những loại bạo lực vừa nhìn thấy được thể hiện qua các tác động về cơ thể, sức khoẻ, vừa không nhìn thấy được thể hiện qua những tổn thương về tinh thần, tình cảm, ví dụ như bạo lực tình dục. Như vậy, các hành vi bạo lực trong gia đình là một vấn đề phức tạp, thể hiện ở nhiều góc độ. Trong thực tế, các nghiên cứu chủ yếu tập trung ở các hành vi bạo lực "nhìn thấy được" mà ít có những nghiên cứu, phân tích ở mức độ sâu hơn đối với những hành vi bạo lực "không nhìn thấy được" trong gia đình.

Việc đánh giá mức độ phổ biến và xu hướng biến đổi của bạo lực gia đình ở Việt Nam hiện nay thường dựa vào hai nguồn thông tin chính. Một là, nguồn thông tin từ các cơ quan chính quyền, luật pháp hay từ các trung tâm tư vấn. Hai là, nguồn thông tin từ các cuộc khảo sát trực tiếp. Từ hai nguồn thông tin này, nếu tính đến tất cả các loại hình bạo lực gia đình ở các cấp độ khác nhau thì tình trạng bạo lực gia đình đối với phụ nữ là tương đối phổ biến hiện nay (Vũ Mạnh Lợi và cộng sự 1999; Vũ Tuấn Huy 2003; Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam 2001; Trần Thị Vân Anh 2005; v.v.). Theo báo cáo của Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học về giới, gia đình, phụ nữ và vị thành niên (CSAGA) (Nguyễn Vân Anh, 2005) thì trong năm 2004 trung tâm này đã nhận được 5721 cuộc gọi liên quan đến bạo lực gia đình.

Lâu nay vấn đề bạo lực gia đình thường không nhận được sự quan tâm đúng mức chính vì nhiều người quan niệm rằng chỉ có đánh đập vợ (thậm chí phải đánh đập thường xuyên) mới là hành vi bạo lực. Trong khi đó, loại hình bạo lực về tinh thần chiếm một tỉ lệ khá cao trong các hành vi bạo lực gia đình nói chung và những hậu quả của chúng là rất lớn. Chẳng hạn, Báo phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/1/2003 đã dẫn kết quả một nghiên cứu, nêu rõ: trong 1.665 ca bạo hành trong gia đình, có 43,6% phụ nữ bị bạo hành về thể xác; 55,3% bị bạo hành về tinh thần và 1,6% bạo hành về tình dục. Một số cuộc điều tra ở cấp quốc gia như Điều tra quốc gia về vị thành niên và thanh niên Việt Nam (SAVY) năm 2004 (Bộ Y tế và cơ quan khác 2005) và cuộc điều tra về thực trạng bình đẳng

giới năm 2004-2005 (Trần Thị Vân Anh 2005) cho thấy khoảng hơn 20% phụ nữ đã từng bị chồng chửi mắng và khoảng 6% đã từng bị chồng đánh.

2. Các yếu tố tác động đến quá trình đấu tranh phòng chống bạo lực trong gia đình

a. Khung pháp lý và chính sách

Trong những năm qua Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật và chính sách thể hiện rõ nguyên tắc bình đẳng nam nữ, không phân biệt đối xử dưới bất kỳ hình thức nào. Hiến pháp 1992 quy định: "Nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xâm phạm nhân phẩm phụ nữ" (Điều 63). Còn theo Bộ luật hình sự năm 1985, "người nào dùng vũ lực hoặc có hành vi nghiêm trọng khác cản trở phụ nữ tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, khoa học, văn hóa và xã hội, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm" (Điều 125). Luật tổ chức Chính phủ (1992) quy định các cấp chính quyền phải "thực hiện các chính sách và biện pháp bảo đảm quyền bình đẳng nam nữ về mọi mặt....[và] có biện pháp ngăn ngừa và chống mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ".

Bằng việc ký Công ước CEDAW, Việt Nam bày tỏ sự đồng tình của mình về việc thủ tiêu mọi hình thức xâm phạm quyền phụ nữ và phân biệt đối xử với phụ nữ, "loại trừ các thành kiến và những phong tục tập quán dựa trên tư tưởng cho giới này là hơn, cho giới kia là kém, hoặc dựa trên những kiểu mẫu dập khuôn về vai trò của đàn ông và đàn bà" (CHXHCNVN 1999: 36).

Bên cạnh đó, các biện pháp tổng thể đã được thực hiện nhằm bảo đảm thi hành nguyên tắc bình đẳng nam nữ thông qua hoạt động của các cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội, nghề nghiệp. Chẳng hạn, trong việc soạn các bộ luật hay pháp lệnh, *nguyên tắc bình đẳng giới* đã được chú trọng ngay từ khâu lựa chọn nhân sự để thành lập Ban soạn thảo, thường có 30-45% thành viên nữ. (CHXHCNVN 1999: 22).

Chính phủ đã đề ra nhiều chủ trương nhằm hạn chế, tiến tới xóa bỏ các quan niệm, phong tục mang tính thiên kiến giới. Nổi bật là cuộc vận động "Xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới" được phát động trong toàn quốc nhiều năm qua do ngành văn hóa và thông tin chủ trì. Vấn đề giới đã được chính thức phổ biến bước đầu cho đối tượng cán bộ lãnh đạo chính quyền và Hội phụ nữ các cấp (CHXHCNVN, 1999: 38, 39).

Những văn bản và quy định pháp luật nêu trên có tác dụng lớn lao đối với việc nâng cao địa vị và vai trò người phụ nữ cũng như bảo vệ và chăm sóc người phụ nữ. Tuy nhiên, hầu như tất cả các văn bản pháp luật và chính sách chỉ đề cập đến giới một cách chung chung, chưa nhận thức hết tầm quan trọng của mối quan hệ giới thể hiện trong mỗi gia đình, và không có các điều khoản riêng cho việc xử lý mối quan hệ giới trong gia đình. Ngay trong Kế hoạch hành động 1 của Uỷ ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam cũng không nêu ra những mục tiêu cụ thể về ngăn chặn, tiến tới xóa bỏ bạo lực trong gia đình.

b. Các chủ thể tham gia phòng chống bạo lực trong gia đình.

Trong những năm qua các cơ quan chính quyền, tổ chức xã hội, các cộng đồng dân cư đã làm được rất nhiều việc để góp phần ngăn chặn và làm giảm các hành vi bạo lực gia đình chống lại phụ nữ. Việc xử lý nghiêm khắc các vụ vi phạm, việc thực hiện giáo dục nâng cao nhận thức cho nhân dân và cán bộ về tác hại của bạo lực gia đình chống lại phụ nữ đối với gia đình và xã hội, .v.v. đã đóng góp phần quan trọng nhằm ngăn chặn và đẩy lùi tệ nạn bạo lực gia đình chống lại phụ nữ ở Việt Nam. Tuy nhiên vẫn còn nhiều bất cập từ phía các chủ thể liên quan trong việc phối hợp hành động nhằm đấu tranh với các hành vi bạo lực gia đình.

Các cơ quan bảo vệ luật pháp (toà án, viện kiểm sát, công an,...)

Phần lớn các trường hợp bạo lực trong gia đình không đưa ra xử. Chỉ khi nào các trường hợp bạo lực lặp đi lặp lại và nghiêm trọng thì cuộc hôn nhân mới kết thúc bằng li hôn. Bạo lực gia đình rất ít khi được xử theo luật hình sự.

Theo quy định của pháp luật nếu người vợ bị thương tích do người chồng đánh với mức trên 10% sức khỏe mới áp dụng Luật hình sự. Tuy nhiên, chỉ khi có đơn của người vợ, toà án mới giải quyết. Trong trường hợp gây thương tích nghiêm trọng hoặc đánh đập vợ một cách hệ thống thì cơ quan luật pháp có quyền truy tố. Sự can thiệp của các cơ quan luật pháp gặp nhiều khó khăn vì khó đưa ra bằng chứng nếu không có sự hợp tác của người vợ.

> *"Nó cũng rất khó vì [người] vợ không nói, mà thương tích thì thường dưới 11%...Chính quyền thì không bao giờ giải quyết nếu không có đơn tố cáo."* (Chủ tịch xã)
>
> **Hội Liên hiệp PN Việt Nam 2001: 28**

Một trong những nguyên nhân của tình trạng trên là những người bảo vệ pháp luật nhấn mạnh đến việc bảo vệ tính toàn vẹn của gia đình hơn là sự an toàn của phụ nữ. Nhiều người cho rằng bạo lực trong gia đình là vấn đề nội bộ, không nên can thiệp vào. Nhiều phụ nữ không báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền về những hành vi ngược đãi họ cũng vì lý do này. (Vũ Mạnh Lợi và cộng sự 1999; Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam 2001; v.v..)

Các cơ quan luật pháp cũng chỉ có những số liệu thống kê chung về bạo lực gia đình, không phân loại cụ thể bạo lực gia đình chống lại phụ nữ đặc biệt là hành vi bạo lực của người chồng đối với người vợ.

Cộng đồng dân cư, hội phụ nữ và tổ hoà giải

Cộng đồng, tổ dân cư, hàng xóm, và họ hàng thường giúp các gia đình giải quyết xung đột và can ngăn việc đánh vợ. Tuy nhiên, họ chỉ can thiệp những vụ hành hung phụ nữ nghiêm trọng, hay những xung đột gia đình ảnh hưởng đến trật tự của khu ở. Những ngược đãi phụ nữ diễn ra âm thầm phía sau cánh cửa thường không được ai biết đến và người phụ nữ phải một mình chịu đựng. Can thiệp của cộng đồng có nhiều hạn chế vì hiểu biết của một số cấp lãnh đạo cơ sở, tổ dân cư, và mọi người nói chung về luật pháp liên quan đến bạo lực trong gia đình còn yếu.

Tổ hòa giải và hội phụ nữ có vai trò quan trọng trong việc hòa giải các xung đột gia đình liên quan đến ly hôn. Tuy nhiên, điểm yếu của quá trình hòa giải là nó thường chỉ bắt đầu khi bạo lực trong gia đình xảy ra rất nghiêm trọng và thường chỉ can thiệp để chấm dứt ngay lúc có sự ngược đãi. Nói chung các tổ hòa giải không cung cấp tư vấn tiếp theo cho các cặp vợ chồng để ngăn ngừa xung đột xảy ra. Các thành viên hội phụ nữ và tổ hòa giải không được đào tạo chuyên nghiệp về tư vấn vì vậy hiệu quả giúp đỡ không cao. (Vũ Mạnh Lợi và cộng sự 1999: 36).

Các cơ quan truyền thông đại chúng:

Những năm gần đây, các cơ quan truyền thông đại chúng quan tâm nhiều hơn đến vấn đề bạo lực gia đình đối với phụ nữ. Những thông điệp chủ yếu là "(1) *bạo lực trong gia đình là phổ biến*; (2) *bạo lực trong gia đình đang gia tăng*; (3) *phụ nữ cần sự giúp đỡ để được bảo vệ khỏi bạo lực*; và (4) *bạo lực trên cơ sở giới là một chủ đề quan trọng cần đến sự chú ý của đông đảo mọi người hơn.*" (Vũ Mạnh Lợi và cộng sự 1999: 31).

Tuy nhiên, nhiều người viết báo cũng chưa nhận thức đầy đủ khía cạnh bất bình đẳng giới trong vấn đề bạo lực trong gia đình. Một số phóng viên báo chí chuyên về vấn đề gia đình và phụ nữ đã bộc lộ nhiều khiếm khuyết trong kiến thức về quyền phụ nữ, các văn bản luật pháp, các tài liệu cơ bản ủng hộ quyền phụ nữ như Kế hoạch hành động 1 hay Công ước CEDAW (Franklin 2000: 21).

Các tổ chức tư vấn

Trong mấy năm gần đây, nhiều tổ chức tư vấn về hôn nhân và gia đình đã được hình thành và hoạt động ở các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng. Các hoạt động tư vấn, tuy còn mới mẻ đối với nhiều người, đã đáp ứng phần nào nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân, đặc biệt là phụ nữ. Ví dụ, tại Trung tâm tư vấn tâm lý và tình cảm ở Hà Nội (thành lập 1/1997), trung bình số cuộc gọi đến Trung tâm mỗi ngày đã tăng từ 56 cuộc/ngày năm 1997 lên 87 cuộc/ngày năm 1999; trong đó những vấn đề về bạo lực trong gia đình chiếm khoảng 40% số cuộc gọi (Lê Thị Phương Mai và Lucinda Willshire 2000). Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học về giới, gia đình, phụ nữ và vị thành niên (CSAGA), trung bình trong năm 2004 đã nhận được 16 cuộc gọi liên quan đến bạo lực gia đình/ngày (Nguyễn Vân Anh, 2005).

Tuy nhiên, các hoạt động tư vấn cũng bộc lộ nhiều hạn chế. Nhiều nhân viên tư vấn tự đánh giá rằng kiến thức của họ còn rất nhiều khiếm khuyết. Chẳng hạn tại Trung tâm tư vấn tâm lý, giáo dục, tình yêu, hôn nhân, và gia đình ở thành phố Hồ Chí Minh, 11/13 nhân viên tư vấn được phỏng vấn cho thấy rằng họ không có đủ kiến thức về vấn đề SKSS, tình dục an toàn, tránh thai, và các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục, HIV/AIDS. Nhân viên tư vấn nói chung thiếu thông tin và không được đào tạo về kỹ năng tư vấn cũng như các nội dung chuyên môn liên quan đến vấn đề bạo lực trong gia đình. (Lê thị Phương Mai và Lucinda Willshire 2000)

c. Tình trạng nghèo khổ

Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng mặc dù bạo lực trong gia đình có thể xảy ra ở mọi tầng lớp với mức sống và trình độ giáo dục khác nhau, các hành vi bạo lực trong gia đình vẫn xuất hiện nhiều hơn cả trong các gia đình có đời sống khó khăn. Việc phải vất vả kiếm sống hàng ngày đặt con người vào tình trạng dồn nén triền miên và bạo lực có thể nổ ra thậm chí khi có những bất đồng nhỏ. Nghèo khổ thường đi kèm với các thói quen như nghiện hút, cờ bạc, rượu chè làm cho sự bất hòa trong gia đình tăng lên (Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam 1997: 24; Vũ Mạnh Lợi và cộng sự 1999: 19-20). Nghèo khổ cũng gắn liền với trình độ học vấn thấp của các thành viên trong gia đình, làm cho họ không nhận thức được một cách đầy đủ tác hại của các hành vi bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình. Nghiên cứu của Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam (2001: 41) cho thấy tỉ lệ phụ nữ bị chồng mắng chửi tăng từ 11,1% ở hộ gia đình có mức sống khá lên 16,7% ở nhóm hộ trung bình và tới 30,2% ở nhóm hộ nghèo. Tương tự, tỉ lệ phụ nữ bị chồng đánh tăng theo tình trạng kinh tế hộ gia đình (1,0%; 3,5% và 7,7%).

d. Yếu tố văn hóa: Định kiến giới

Các nghiên cứu đã kết luận rằng gốc rễ của nạn bạo lực trên cơ sở giới là sự bất bình đẳng trong các quan hệ giới (Vũ Mạnh Lợi và cộng sự 1999). Một số quan niệm truyền thống mang đậm định kiến về giới đã thấm sâu vào tiềm thức các thế hệ ở Việt Nam và hiện nay còn thể hiện ở nhiều người.

Quan niệm "*Chồng chúa vợ tôi*" và "*Thuyết tam tòng*" gán cho người chồng toàn quyền định đoạt mọi công việc lớn trong gia đình. Người vợ chỉ là người thừa hành, có bổn phận phục vụ chồng con. Trong nhiều trường hợp người chồng đã dùng bạo lực để duy trì quyền này. Người chồng có thể xử tệ với vợ khi nổi cáu, khi vợ làm gì trái ý mình, hoặc thậm chí khi vợ tỏ ra thành đạt có thể đe dọa địa vị cao của người chồng (Vũ Mạnh Lợi và cộng sự 1999). Khi không giải quyết được bất đồng ý kiến bằng đối thoại về các vấn đề như phân công lao động, sử dụng nguồn lực gia đình, sinh đẻ và nuôi dạy con, quan hệ với gia đình hai bên, thói quen sinh hoạt cá nhân, nhiều người chồng thường dùng vũ lực để làm theo ý của mình.

> *" Phần lớn những sinh hoạt gia đình do người chồng áp đặt... cũng có gia đình mà tất cả các thành viên trong gia đình rất khiếp sợ uy lực của người chủ gia đình là người chồng, người cha."*
>
> **Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam 1997: 24**

Địa vị thống trị của nam giới còn được tô vẽ bởi một loạt tín điều đạo đức phong kiến. Theo quan niệm "*Nam ngoại nữ nội*", nam giới là người kiếm tiền chính để nuôi gia đình, có quyền tham gia việc họ hàng, làng nước, gánh vác trách nhiệm xã hội. Phụ nữ là người "*tề gia nội trợ*", trông nom việc nhà, con cái. Phụ nữ bị nhìn nhận như là người chịu trách nhiệm trong việc duy trì hạnh phúc gia đình để nam giới đạt được những thành tựu bên ngoài. Trong đời sống tình dục, nhiều phụ nữ phải chấp nhận yêu cầu quan hệ tình dục của người

chồng kể cả khi họ không thích vì cho rằng đó là trách nhiệm giữ gìn hạnh phúc gia đình của mình (Lê Thị Phương Mai 1998: 39).

Bất bình đẳng giới thể hiện đặc biệt rõ ở định kiến "*Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô*" (một con trai cũng được coi là có, mười con gái cũng như không). Đây là sự đề cao tột đỉnh giá trị của con trai và hạ thấp đến mức phủ nhận hoàn toàn giá trị của con gái. Việc vợ chồng không có con trai cũng có thể là lý do để người chồng gây sự với vợ. Trong năm 1996 các tòa án địa phương đã xét xử 49.711 vụ ly hôn, trong đó có 18% là do không có con trai (CHXHCNVN 1999: 107). Những người chồng có ý định ly hôn vợ thường tìm cách gây sự để người vợ phải đứng nguyên đơn xin ly hôn và nhiều người phụ nữ phải chịu đựng sự ngược đãi trong thời gian dài trước khi ly hôn.

Với những định kiến trọng nam khinh nữ như trên, dù có bị đánh đập thì phụ nữ vẫn bị coi là người phải chịu trách nhiệm về những hành vi bạo lực của người chồng (Vũ Mạnh Lợi và cộng sự 1999). Nhiều phụ nữ không báo cáo các hành vi bạo lực vì họ cho rằng họ sẽ bị người ngoài nhìn nhận là đã làm điều gì đó không tốt nên mới bị chồng đánh. Nhiều nhân viên tư vấn nữ cũng coi phụ nữ phải chịu một phần trách nhiệm về việc họ bị đánh (Lê Thị Phương Mai và Lucinda Willshire 2000). Thái độ này đã gián tiếp khuyến khích những kẻ lạm dụng bạo lực và ngăn cản các nạn nhân tìm kiếm sự giúp đỡ vì lo ngại bị trách móc, quy kết.

> *Những phụ nữ bị chồng đánh chắc chắn phải làm điều gì sai hay cư xử thiếu tế nhị thì người chồng mới mất bình tĩnh.* (Thảo luận nhóm phụ nữ ở một phường ở Hà Nội)
>
> ***Vũ Mạnh Lợi và cộng sự 1999*: 22**

Cũng chính vì định kiến phân công trách nhiệm trong gia đình theo kiểu truyền thống mà khi người phụ nữ vươn lên, có được sự đóng góp kinh tế cao hơn đối với gia đình thì điều ấy trong một số trường hợp lại không góp phần giảm bớt bạo lực gia đình mà thậm chí còn làm tăng thêm. Một số nghiên cứu (Vũ Mạnh Lợi và cộng sự 1999; Hội LHPN Việt Nam 2001) cho thấy là tỉ lệ người vợ bị ngược đãi trong các gia đình mà họ kiếm thu nhập cao hơn chồng là cao hơn so với các gia đình mà người phụ nữ kiếm thu nhập thấp hơn.

Một định kiến văn hóa khác có liên quan đến việc xử lý các mối quan hệ trong gia đình là giữ kín các vấn đề nội bộ gia đình, đặc biệt là các hành vi không được xã hội ủng hộ, bởi lẽ "xấu chàng, hổ ai". Chính vì vậy, trong nhiều trường hợp người phụ nữ chỉ nín nhịn âm thầm, không tìm các biện pháp giúp đỡ từ bên ngoài.

e. Các yếu tố khác

Một số yếu tố khác có thể là nguyên cớ trực tiếp gây ra các hành vi bạo lực gia đình. Những yếu tố này liên quan đến cả người chồng và người vợ. Chẳng hạn, hành vi rượu chè, cờ bạc, chơi hụi họ ở một số người vợ và người chồng. (Vũ Mạnh Lợi và cộng sự 1999: 19-20; Hội LHPN Việt Nam 2001: 37). Đặc điểm của nam giới là nóng tính, trong những trường hợp người phụ nữ hay nói dai, chì chiết có thể làm tăng thêm mức độ nóng giận và dẫn đến hành vi hành hung người vợ. Say

rượu hoặc ham mê cờ bạc cũng khiến nhiều ông chồng mất tự chủ và thường giải quyết bất đồng với vợ bằng hành vi bạo lực. Chẳng hạn, theo nghiên cứu của Hội LHPN Việt Nam năm 2001, lý do mắng chửi và đánh vợ trong năm trước đó do chồng say rượu là 24,3% và 30,9% (trang 37).

Ngoại tình cũng là một nguyên cớ trực tiếp. Trong nhiều trường hợp chính vì ngoại tình mà người đàn ông kiếm cớ gây sự với vợ, đẩy người vợ đến những hành vi không mong muốn để rồi hành hung vợ, tạo điều kiện để có thể li dị. Cũng có những trường hợp thì lý do là từ phía vợ, vì "quan hệ thiếu đứng đắn". Chẳng hạn, theo nghiên cứu của Hội LHPN Việt Nam năm 2001 (trang 37) thì 11,7% người trả lời cho rằng "ngoại tình" là lý do trực tiếp mà người vợ bị mắng chửi trong năm trước hoặc 13,7% người trả lời cho rằng đó là lý do trực tiếp mà người vợ bị đánh.

Cách thức xử lý các mối quan hệ gia đình, họ hàng, bạn bè của người phụ nữ có thể là nguyên cớ gây ra những xung đột trong gia đình, từ đó mà người chồng có các hành vi bạo lực đối với vợ. Nghiên cứu của Hội LHPN Việt Nam năm 2001 (trang 37) cho thấy việc "*không tôn trọng chồng*", "*không tôn trọng bố mẹ chồng*" là một trong những lý do quan trọng khiến cho người vợ bị mắng chửi hoặc bị đánh. Kết quả nghiên cứu của Hội đồng dân số Hoa Kỳ cho biết có 39,5% cán bộ y tế được hỏi đánh giá là "*mâu thuẫn giữa vợ với gia đình nhà chồng*" là nguy cơ cao nhất dẫn đến bạo lực gia đình (Lê Thị Phương Mai và cộng sự 2005).

Tuy nhiên, cần khẳng định rằng, những yếu tố nêu trên chỉ là những nguyên cớ trực tiếp. Gốc rễ của vấn đề chính là quan niệm coi người vợ chỉ có địa vị phụ thuộc trong gia đình và người chồng có quyền muốn làm gì cũng được, đồng thời là thái độ thiếu trách nhiệm của một số cấp chính quyền trong việc ngăn chặn các hành vi bạo lực này.

3. Hoạt động can thiệp phòng chống bạo lực gia đình: kinh nghiệm và những vấn đề đặt ra

Trong những năm qua được sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, một số hoạt động can thiệp phòng chống bạo lực gia đình đã được tiến hành tại một số địa phương. Chẳng hạn, Dự án của Hội đồng dân số Hoa Kỳ "Nghiên cứu can thiệp làm việc với nạn nhân bạo lực gia đình tại 5 xã của tỉnh Bình Dương năm 2001" (Hội đồng dân số 2001, 2002); Dự án "Cải thiện chăm sóc y tế cho nạn nhân của bạo lực giới" tại Gia Lâm (Hà Nội) do Hội đồng dân số Hoa Kỳ kết hợp với Sở Y tế Hà Nội tiến hành năm 2002-2004 (Lê Thị Phương Mai và cộng sự, 2005); Mô hình phòng chống bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại 3 tỉnh: Hà Nội, Thái Bình và Phú Thọ do RCGAD và CERSED phối hợp thực hiện 2002-2005 (RCGAD và CERSED 2005); Dự án "Ngăn chặn bạo lực gia đình đối với phụ nữ: một hành động can thiệp ở tỉnh Ninh Bình, Việt Nam 2004" do RaFH tiến hành (Nguyễn Thị Hoài Đức 2005); Dự án "Phòng chống bạo lực gia đình đối với phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới ở cơ sở và cộng đồng" do Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Hà Tây thực hiện năm 2004 (Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Hà Tây 2005); v.v.

Nhìn chung các hoạt động can thiệp đã có tác dụng rất tốt đối với việc nâng cao nhận thức của người dân và các cấp lãnh đạo và là cơ sở để thúc đẩy công tác phòng chống bạo lực gia đình ở các địa phương.

Tại Bình Dương, chính quyền địa phương và thành viên cộng đồng đã trao đổi cởi mở về bạo lực gia đình, hiểu rõ hơn các nguyên nhân và hậu quả của bạo lực gia đình tới sức khỏe thể chất, tinh thần và an sinh của người phụ nữ, gia đình và con cái họ. Sự phối hợp giữa các ban ngành đoàn thể ở địa phương cũng chặt chẽ hơn. Dự án "Cải thiện chăm sóc y tế cho nạn nhân của bạo lực giới" tại Gia Lâm (Hà Nội) được đánh giá là mô hình thử nghiệm có hiệu quả và triển vọng, bởi hoạt động của nó gắn liền với việc thăm khám và chữa trị về y tế của bệnh viện. Các nhân viên y tế đã tích cực tham gia vào phòng chống bạo lực thông qua sàng lọc, ghi chép và hỗ trợ nạn nhân. Cùng với chăm sóc y tế, nhân viên y tế góp phần hỗ trợ tinh thần cho nạn nhân với thái độ không phê phán và chuyển họ tới các địa chỉ giúp đỡ tin cậy. Sự phối hợp giữa cơ quan y tế và các ban ngành khác của địa phương trong việc giải quyết bạo lực gia đình cũng chặt chẽ hơn. Ngoài ra, dự án đã tổ chức nhiều hình thức truyền thông: tài liệu, pano, các chương trình phát thanh và truyền hình; thành lập và duy trì có hiệu quả hoạt động của các câu lạc bộ tại cộng đồng như CLB của nhóm hỗ trợ các nạn nhân bạo lực mang tên "những người tình nguyện vì hạnh phúc gia đình" và CLB dành cho nạn nhân sinh hoạt mang tên " Vì hạnh phúc gia đình".

Với dự án can thiệp tại Ninh Bình, công tác phòng chống bạo lực gia đình đã từng bước được lồng ghép vào trong các chính sách cũng như kế hoạch hành động của địa phương. Đối với Dự án "Phòng chống bạo lực gia đình đối với phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới ở cơ sở và cộng đồng" tại Hà Tây, sau 1 năm thực hiện dự án số vụ bạo lực gia đình đối với phụ nữ đã giảm xuống so với thời gian trước đó.

Từ thực tiễn tổ chức các hoạt động can thiệp, có thể nêu lên một số bài học kinh nghiệm sau:

- Huy động cộng đồng tham gia là một cách tiếp cận quan trọng để thay đổi hành vi của cộng đồng đối với vấn đề bạo lực gia đình.

- Sự cam kết, ủng hộ, phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền có vai trò quan trọng trong sự thành công của dự án. Lồng ghép Phòng chống bạo lực gia đình vào chính sách địa phương là cần thiết để đảm bảo tính bền vững của dự án.

- Công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho người dân sẽ góp phần thức đẩy cộng đồng và mỗi người dân tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh chống lại bạo lực giới trong gia đình. Chỉ khi đó các hoạt động can thiệp mới thực sự có hiệu quả và duy trì ổn định lâu dài.

- Thường xuyên nâng cao các kỹ năng can thiệp bạo lực gia đình trên cơ sở giới cho cán bộ địa phương tham gia dự án là rất cần thiết.

- Cần tăng cường các hoạt động giám sát giúp cho việc điều chỉnh, bổ sung, đáp ứng những vấn đề phát sinh nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động dự án.

- Việc thiết lập mạng lưới các địa phương tham gia dự án, tạo diễn đàn trong cộng đồng, nêu gương điển hình có ý nghĩa rất quan trọng.

- Xác định đúng các nhu cầu bức xúc của người dân ở cộng đồng và lựa chọn đúng đối tượng tham gia dự án. Ngoài ra cần có cách thức, nội dung tuyên truyền đặc thù cho từng khu vực khác nhau.

Một vấn đề đang đặt ra là làm thế nào để tiếp tục nhân rộng các mô hình can thiệp này trong điều kiện nguồn nhân, vật, tài lực đều còn hạn chế. Để làm được điều đó, trước hết cần có sự đánh giá sâu hơn các mô hình can thiệp này để tiếp tục mở rộng trong tương lai.

*

* *

Cùng với việc chuẩn bị để ban hành Luật về phòng chống bạo lực gia đình, cần thiết phải tiếp tục tiến hành nhiều hoạt động nhằm đấu tranh với nạn bạo lực gia đình đối với phụ nữ. Từ các kết quả nghiên cứu có thể đề xuất một số khuyến nghị sau:

1. Nâng cao nhận thức của lãnh đạo các cấp về tầm quan trọng của cuộc đấu tranh với bạo lực trong gia đình chống lại phụ nữ thông qua việc tiến hành một chương trình vận động thuyết phục đối với các nhà lập chính sách nhằm đưa những điều khoản chống bạo lực trong gia đình vào trong các văn bản pháp luật, tạo ra môi trường thiết chế thuận lợi cho việc đấu tranh chống nạn bạo lực trong gia đình.

2. Nâng cao nhận thức cho nhân dân, đặc biệt là phụ nữ, về các biểu hiện của bạo lực trong gia đình, nguyên nhân và hậu quả của chúng, và sự bình đẳng giới trong gia đình bằng việc đẩy mạnh các hoạt động Thông tin-Giáo dục-Truyền thông và tư vấn.

3. Nâng cao năng lực cho các cán bộ công tác ở các ngành bảo vệ pháp luật, các tổ hòa giải, công đoàn, đoàn thanh niên, hội nông dân, và đặc biệt là hội phụ nữ về xử lý các vụ việc bạo lực trong gia đình, bằng việc tổ chức các đợt tập huấn, hội thảo, tuyên truyền các văn bản luật pháp, và tăng cường kỹ năng tư vấn.

4. Nâng cao năng lực của các trung tâm tư vấn và xây dựng các trung tâm tư vấn ở các vùng nông thôn thông qua việc phát triển các loại hình dịch vụ tư vấn và đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ cho các chuyên gia tư vấn.

5. Tiến hành những nghiên cứu toàn diện về bạo lực trong gia đình nhằm tìm hiểu một cách có hệ thống các hình thức bạo lực, nguyên nhân và hậu quả, cũng như các yếu tố tác động đến hành vi bạo lực trong gia đình.

Tài liệu tham khảo

1. Báo *Nhân dân điện tử*, ngày 21/10/2005.

2. Báo *Phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh*, ngày 15/01/2003.

3. CHXHCN Việt Nam 1999. *Báo cáo quốc gia lần thứ hai về tình hình thực hiện công ước liên hiệp quốc xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW).* Nhà xuất bản phụ nữ 1999.

4. Franklin B. 2000. *Expanding Horizons: A report on the audience research and analysis and the media campaign for gender.* Women's publishing house.

5. Hội đồng dân số. 2001. *Báo cáo kết quả nghiên cứu điều tra về bạo hành trong gia đình tại 5 xã tỉnh Bình Dương.*

6. Hội đồng dân số. 5/2002. *Ngăn chặn bạo hành trong gia đình: phổ biến tài liệu hướng dẫn tư vấn chống bạo hành cho các cộng đồng nông thôn.*

7. Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Hà Tây 2005. *Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện dự án "Phòng chống bạo lực gia đình đối với phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới ở cơ sở và cộng đồng"* tại Hội thảo "Bạo lực gia đình: kinh nghiệm và giải pháp" 25-11-2005

8. Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam 2005. *Báo cáo của các tổ chức phi chính phủ về 10 năm thực hiện cương lĩnh hành động Bắc Kinh tại Việt Nam vì bình đẳng, phát triển và hòa bình.*

9. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Trung tâm Nghiên cứu Thị trường và Phát triển. 2001. Báo cáo: "*Bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam: kết quả nghiên cứu tại Thái Bình, Lạng Sơn, Tiền Giang*".

10. Lê Thị Phương Mai, Lê Ngọc Lân, Nguyễn Thị Thơm, Phạm Lê Tuấn. 2005. *Kết quả nghiên cứu trước và sau can thiệp tại một số cơ sở y tế và cộng đồng.* Population Council, Hà Nội.

11. Lê Thị Quý 1999. *Bạo lực gia đình và ảnh hưởng của nó đến việc hình thành nhân cách của trẻ em.* Tạp chí Khoa học về phụ nữ số 4/1999. Trang 31-37.

12. Le Thi Phuong Mai and Lucinda Willshire 2000. *Report on an intervention project: training on domestic violence, sexual abuse and reproductive health counseling for the Hanoi hotline.*

13. Le Thi Phuong Mai. 1998. *Violence and Its Consequences for Reproductive Health: The Vietnam Case.* Population Council, Hanoi, Vietnam.

14. Nguyen Thi Hoai Duc 2001. *Domestic violence against women and attitudes, practices of health workers: case studies in Hanoi and Ninhbinh provinces.* RaFH/New Zealand Embassy, Hanoi, March 2001.

15. Nguyễn Thị Hoài Đức 2005. *Báo cáo "Sự tham gia của cộng đồng trong phòng chống bạo lực gia đình đối với phụ nữ"* tại Hội thảo "Bạo lực gia đình: kinh nghiệm và giải pháp" 25-11-2005.

16. Nguyễn Vân Anh 2005. *Sử dụng nghệ thuật trong việc xây dựng câu lạc bộ nạn nhân bạo hành giới.* Báo cáo tại Hội thảo "Bạo lực gia đình: Kinh nghiệm và giải pháp". Hà Nội

17. RCGAD và CERSED 2005. *Báo cáo "Kinh nghiệm từ mô hình phòng chống bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại 3 tỉnh: Hà Nội, Thái Bình và Phú Thọ tại Hội thảo "Bạo lực gia đình: kinh nghiệm và giải pháp" 25-11-2005*

18. *Trần Thị Vân Anh 2005. Vấn đề giới qua kết quả sơ bộ của cuộc khảo sát 2005.* Trình bày tại Hội thảo Tham vấn về giới và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội. Đại Lải, Vĩnh Phúc 8-2005.

19. United Nations Development Programme. 1995. *Vietnam Through the Lens of Gender.* Hanoi.

20. Vũ Mạnh Lợi, Vũ Tuấn Huy, Nguyễn Hữu Minh và Jennifer Clement. 1999. *Bạo lực trên cơ sở giới: Trường hợp Việt Nam.* Ngân hàng thế giới.

21. Vũ Tuấn Huy 2003. *Mâu thuẫn vợ chồng trong gia đình và những yếu tố ảnh hưởng.* Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội.

22. WHO (World Health Organization) 1998. World Health Day: Safe Motherhood. April 7, 1998. Geneva, Switzerland.